

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

**TÀI LIỆU**  
**BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CẤP XÃ**  
**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

**MỤC LỤC**  
**Phần I**  
**CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG VÀ**  
**PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG**

**I. CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của UBND cấp xã, phường, thị trấn (cấp xã) ..... 3
2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp ..... 3
3. Những hoạt động trong công tác bảo vệ rừng ..... 4

**II. CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY RỪNG**

1. Mục đích phòng cháy rừng ..... 4
2. Các biện pháp chủ yếu của phòng cháy rừng ..... 4

**III. CHỮA CHÁY RỪNG**

1. Phương châm chữa cháy rừng ..... 9
2. Kỹ thuật chữa cháy rừng ..... 10
3. Chỉ huy chữa cháy rừng ..... 12
4. Xử lý sau cháy rừng ..... 12

**Phần II**

**CÁC CHÍNH SÁCH VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

- I. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021-2025..... 13**

1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng ..... 13
2. Hỗ trợ bảo vệ rừng ..... 14
3. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung... 14

- II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025..... 15**

1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng ..... 15
2. Hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng ..... 16

**Phần III**

**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP VÀ**  
**KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG**

- I. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện ..... 17
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện..... 17
3. Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp..... 17

## **II. KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT BẰNG CÂY KEO LAI**

1. Xử lý thực bì..... 17
2. Cuốc hố ..... 18
3. Lấp hố và bón lót.....18
4. Trồng cây..... 18
5. Chăm sóc rừng sau khi trồng..... 18

## **Phần IV**

### **XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

#### **I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

1. Giải thích từ ngữ (Điều 1, Luật Xử lý vi phạm hành chính) ..... 20
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính (Điều 3, Luật Xử lý vi phạm hành chính)..... 21
3. Những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 12, Luật Xử lý vi phạm hành chính)..... 22
4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Điều 38, Luật Xử lý vi phạm hành chính) ..... 23
5. Lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 58, Luật Xử lý vi phạm hành chính)..... 23

#### **II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (XPVPHC) TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

1. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 4) ..... 25
2. Áp dụng xử phạt vi phạm hành chính (Điều 6) ..... 26

**Phần I**  
**CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG VÀ**  
**PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG**

**I. CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG**

**1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của UBND cấp xã, phường, thị trấn (cấp xã)**

Theo Điều 102 Luật Lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, quyết định chương trình, dự án về phát triển lâm nghiệp bền vững, sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác nương rẫy và tổ chức thực hiện tại địa phương;

- Quản lý diện tích, ranh giới khu rừng; xác nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

- Tổ chức thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương, theo dõi diễn biến rừng đối với diện tích Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

- Hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật;

- Tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

**2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp**

- Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật;

- Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chăn, dất, thả gia súc, vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng;

- Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật;

- Hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng;

- Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng;

- Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng;

- Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng trái quy định của pháp luật; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật; chuyển đổi diện tích rừng, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng trái quy định của pháp luật; phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng;

- Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

### **3. Những hoạt động trong công tác bảo vệ rừng**

- Hằng năm, UBND cấp xã (có rừng) xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và PCCCR; giao rõ trách nhiệm các phòng, ban, đơn vị, đảm bảo các hành vi vi phạm về bảo vệ rừng được xử lý dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các lực lượng dân quân, Công an và Kiểm lâm địa bàn tăng cường công tác phối hợp, tuần tra, kiểm soát, chốt chặn tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ xâm hại rừng cao; giám sát chặt chẽ người, phương tiện ra vào rừng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ rừng với các xã có vùng rừng giáp ranh; chỉ đạo các lực lượng liên quan triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Dân quân tự vệ nhằm huy động lực lượng đủ mạnh trong tuần tra, kiểm tra, truy quét ngăn chặn và xử lý các đối tượng vi phạm.

- Chỉ đạo tổ chức quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, rà soát và thực hiện việc truy xuất nguồn gốc lâm sản tại các cơ sở chế biến để quản lý nguyên liệu hợp pháp; xóa bỏ những tụ điểm kinh doanh, buôn bán gỗ, lâm sản trái pháp luật.

## **II. CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY RỪNG**

### **1. Mục đích phòng cháy rừng**

- Hạn chế tối đa nguồn lửa gây cháy rừng;  
 - Hạn chế khả năng bắt lửa của nguồn vật liệu cháy tự nhiên;  
 - Không chế sự lan tràn của đám cháy;  
 - Kịp thời dập tắt đám cháy và hạn chế tối đa thiệt hại do cháy rừng gây ra;

### **2. Các biện pháp chủ yếu của phòng cháy rừng**

#### **a) Biện pháp tổ chức hành chính**

- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản Quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Thiết lập hệ thống Phòng cháy, chữa cháy rừng, gồm:

+ Xây dựng lực lượng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng ở các cấp và ở mỗi đơn vị chủ rừng;

+ Xây dựng các tổ, đội phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương.

- Xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp: Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng dựa vào các căn cứ và nội dung chủ yếu:

- + Các chủ trương, chính sách và cơ sở pháp lý liên quan;
- + Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội và thực trạng tài nguyên rừng;
- + Tình hình cháy rừng thời gian qua, xác định mùa cháy rừng và phân vùng trọng điểm cháy rừng;
- + Thực trạng công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;
- + Mục tiêu của phương án phòng cháy, chữa cháy rừng;
- + Các giải pháp về tổ chức, tuyên truyền, dự báo cháy rừng và biện pháp kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng, trong đó đặc biệt là phải cụ thể hoá phương châm 4 tại chỗ “*lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ*” cho từng vùng trọng điểm cháy rừng;
- + Kế hoạch và lập dự trù kinh phí thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, việc thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, trực cháy trong mùa khô hanh;

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng và cơ sở là cần thiết trong giai đoạn hiện nay, quá trình đầu tư phải đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo nguyên tắc sau:

+ Việc đầu tư mua sắm trang thiết bị đảm bảo theo đúng yêu cầu thực tế của từng đơn vị và địa phương, hiệu quả, tiết kiệm;

+ Phương tiện, thiết bị đảm bảo đồng bộ, dễ sử dụng, hiệu suất cao, cơ động trên địa hình phức tạp, an toàn cho người sử dụng và môi trường;

+ Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên đầu tư cho các địa phương trong khu vực vùng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ và các vùng rừng tập trung quy mô lớn;

+ Các đơn vị chủ rừng Nhà nước, lực lượng xung kích của xã có rừng và lực lượng Kiểm lâm được trang bị phương tiện vận chuyển, máy bơm và thiết bị chữa cháy chuyên dụng;

+ Các đơn vị chủ rừng chủ động đầu tư trang thiết bị, công trình phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng như: xe bồn, hồ chứa nước, máy bơm, vòi dẫn nước, bình chữa cháy, bàn dập lửa, ...

- Đào tạo, tập huấn, diễn tập PCCC hàng năm.

#### **b) Biện pháp tuyên truyền, giáo dục**

- Ở nước ta, nhìn chung cháy rừng đều bắt nguồn từ việc sử dụng lửa bất cẩn của con người; vì vậy, việc theo dõi thống kê nguyên nhân gây cháy rừng có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở xác định các nhóm đối tượng chủ yếu để xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền giáo dục phù hợp, nâng cao nhận thức, cảnh giác và tích cực ngăn ngừa các vụ cháy rừng xảy ra;

- Công tác tuyên truyền phòng cháy, cháy rừng được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, như: Báo chí, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh các huyện/thành phố, pa nô tuyên truyền,... và cũng có thể bằng hình thức tuyên

truyền lòng ghép vào các buổi họp ở địa phương hoặc lưu động do Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan có liên quan trực tiếp thực hiện;

- Tuỳ theo từng nhóm đối tượng để tuyên truyền, giáo dục cho thích hợp và có hiệu quả; đối với trí thức, sinh viên, học sinh thì có thể tuyên truyền đầy đủ cả về lý thuyết lẫn thực tế; đối với quần chúng nhân dân thì cần ngắn gọn, dễ hiểu, phổ thông, càng nhiều hình ảnh trực quan càng tốt; cách tuyên truyền cũng cần linh hoạt, như: kết hợp tuyên truyền trước các buổi họp nhân dân, các đợt sinh hoạt cộng đồng; cũng có thể tuyên truyền ở từng gia đình, từng hộ sống ở trong hoặc ven rừng, cũng có thể tuyên truyền theo từng nhóm đối tượng thích hợp, như: học sinh, trẻ em chăn thả gia súc, các đoàn khách du lịch sinh thái...;

- Đảm bảo công tác dự báo cháy rừng và phát huy hiệu quả của biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng nhằm nâng cao cảnh giác từ nhân dân về nguy cơ cháy rừng tại địa phương;

- Việc xử lý các đối tượng gây cháy rừng bằng biện pháp hành chính, hình sự hoặc tổ chức kiểm điểm trước cộng đồng cũng có ý nghĩa tích cực trong công tác phòng cháy rừng.

### ***c) Biện pháp lâm sinh trong phòng cháy rừng***

Biện pháp lâm sinh trong phòng cháy rừng, nhất là đối với rừng trồng, phải được cân nhắc ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế trồng rừng, bao gồm thiết kế trồng rừng hỗn giao, hệ thống băng cản lửa, các công trình hồ, bể chứa nước dự trữ hoặc bể trung chuyển nước từ chân núi lên để phục vụ chữa cháy rừng...;

- Xây dựng băng cản lửa: Băng cản lửa bao gồm 2 loại: băng trắng và băng xanh.

+ Băng trắng: Là những dải đất trống đã được chặt trắng thu dọn hết cây cỏ, thảm mục và được cuốc hay cày lật đất nhằm ngăn cản lửa cháy lan trên mặt đất rừng; khi thiết kế băng trắng cần lợi dụng tối đa các đặc điểm tự nhiên, như: sông suối, hồ nước, đường đông và những công trình có sẵn, như: đường giao thông, đường lô, khoảnh, đường vận xuất, vận chuyển...; nhược điểm băng trắng là có thể gây rửa trôi xói mòn đất và đòi hỏi công tác bảo dưỡng hằng năm (phát dọn, làm đất) nên về lâu dài chi phí có thể cao hơn đầu tư cho băng xanh; để khắc phục một phần nhược điểm về rửa trôi đất, có nơi đã cải tiến băng trắng bằng cách trồng cây xen nông nghiệp, như: mè (thu hoạch và dọn sạch trước mùa khô), các loại rau, đậu (thực vật thân bò, ít gây cháy lan nhờ phát triển ở bề mặt sát đất và có tác dụng cải tạo đất) hoặc trồng cỏ chăn nuôi gia súc;

+ Băng xanh: Là những đường băng được trồng cây hỗn giao, có kết cấu nhiều tầng nhằm mục đích ngăn chặn cháy lan mặt đất và cháy lướt trên tán cây; nhược điểm của băng xanh là khi cây trồng đai xanh chưa phát huy tác dụng thì cháy rừng vẫn có thể lan tràn; cũng có thể cải tạo một phần rừng sẵn có (thuần loại hoặc hỗn giao) thành đai xanh bằng cách tỉa thưa cây và tỉa cành thích hợp.

- Kỹ thuật xây dựng đường băng:

+ Đối với địa hình bằng hoặc dốc dưới  $15^{\circ}$  đường băng phải vuông góc với hướng gió chính trong mùa cháy;

+ Đối với địa hình phức tạp và dốc trên  $15^{\circ}$ , đường băng được bố trí trùng với đường đồng mức hoặc theo đường đông.

### ***d) Biện pháp xây dựng hệ thống hồ đập phục vụ chữa cháy rừng***

Cùng với việc thiết kế thi công các đường băng cản lửa; ở các vùng núi có địa hình dốc, đi lại khó khăn,... đến mùa khô hầu như các khe suối, hồ, đầm đều bị cạn nước, do đó khi cháy rừng việc vận chuyển nước là hết sức phức tạp; vì vậy, phải xây dựng các công trình sử dụng các thung lũng, khe suối, đầm, hồ sẵn có để dự trữ nước, giữ ẩm và phục vụ cho chữa cháy rừng; đối với các khu rừng trọng điểm cần bảo vệ nghiêm ngặt, như: rừng đặc dụng, có thể xây dựng các bể chứa nước lớn vừa để phục vụ cho sinh hoạt, vừa để PCCC khi cần thiết.

### ***đ) Biện pháp làm giảm khối lượng vật liệu cháy***

Làm giảm khối lượng vật liệu cháy cũng là một biện pháp phòng cháy rừng tích cực và có thể chủ động thực hiện bằng 2 cách chính: phát dọn thủ công, thu gom đưa ra khỏi rừng và đốt trước vật liệu cháy trực tiếp có điều kiện.

- Làm giảm vật liệu cháy bằng thủ công:

+ Phát dọn vật liệu cháy bằng thủ công, tuy công lao động nhiều nhưng ít gây xáo động đối với môi trường rừng và có thể được áp dụng cả ở những nơi trên đất dốc, núi đá (không áp dụng cơ giới được) hoặc nơi gần nguồn nước (không được dùng các chất diệt cỏ);

+ Vệ sinh rừng sau khai thác cũng là một biện pháp làm giảm vật liệu cháy bằng thủ công; thông qua đó, kết hợp chặt tu bỏ với thu dọn cành nhánh, loại bỏ các cây già cỗi, cong queo, sâu bệnh, cây chết đứng để xử lý trước mùa khô.

- Đốt trước vật liệu cháy có kiểm soát:

+ "*Đốt trước có điều kiện*" có nghĩa là đám cháy với cường độ cháy thấp được các nhà quản lý rừng chủ động tạo ra vào cuối mùa mưa hoặc sớm đầu mùa khô nhằm làm giảm vật liệu cháy, tức là giảm cường độ cháy và tốc độ lan tràn của đám cháy rừng nếu xảy ra ở cao điểm mùa cháy rừng mà không được kiểm soát trước;

+ Đám cháy có điều kiện với cường độ thấp không chỉ làm giảm vật liệu cháy mặt đất mà còn thúc đẩy quá trình hoàn trả lại cho đất những chất khoáng trong vật liệu cháy thành các dạng dễ hấp thụ cho cây; thời gian cách giữa các lần áp dụng phương pháp đốt trước phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: loài cây, tốc độ tích lũy vật liệu cháy, mức độ nguy cơ cháy rừng ở từng nơi;

+ Không nên áp dụng phương pháp đốt trước ở những nơi đã có quá trình rửa trôi đất mạnh hoặc các vùng có ưu thế của cỏ tranh và những loài phi mục đích nhưng khả năng phát triển mạnh sau khi có lửa rừng;

+ Đốt trước có điều kiện đòi hỏi phải được thiết kế cẩn thận nhằm giảm thiểu các rủi ro và đảm bảo đạt được mục đích đã đề ra; cần đánh giá các điều kiện địa hình và vật liệu cháy trong vùng xử lý và đặc biệt là theo dõi các nhân tố thời tiết trước và trong khi tiến hành đốt trước có điều kiện để xây dựng phương án đốt trước;

+ Nội dung cơ bản của phương án này gồm: đối tượng rừng và diện tích áp dụng đốt trước; điều kiện cho phép và thời gian tiến hành, đặc biệt là các nhân tố thời tiết; kỹ thuật đốt trước và dự kiến cường độ cháy và tốc độ lan tràn

lửa sẽ xảy ra, tương ứng với những kết quả mong muốn (lượng vật liệu cháy giảm được, tỷ lệ diện tích xử lý) và hạn chế những thiệt hại khác (tỷ lệ cây non dưới tán bị chết...); biện pháp tổ chức thực hiện và các công tác hậu cần, an toàn kèm theo; và theo dõi kết quả và khắc phục hậu quả (nếu có), lập báo cáo đánh giá chung; phương án đốt trước có điều khiển phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp phép trước khi tiến hành;

+ Lưu ý, khi đang đốt, nếu hướng gió đột ngột thay đổi hoặc tốc độ gió tăng, cần tạm ngưng đốt để xem xét và đối phó, nếu thuận tiện thì cho đốt tiếp, nếu xét thấy nguy hiểm thì không đốt nữa; sau khi đốt xong hoặc ngưng đốt, phải kiểm tra dập tắt hoàn toàn các ổ lửa để tránh cháy lại và tổ chức rút kinh nghiệm, ghi chép lại các thông số cần thiết để phục vụ cho các đợt thực hiện khác và đốt theo kiểu da beo, không đốt tràn lan khó kiểm soát đám cháy;

+ Ngoài hai biện pháp chủ động làm giảm vật liệu cháy nêu trên, thì chặn thả gia súc có thể làm giảm vật liệu cháy đáng kể ở trảng cỏ hoặc dưới tán rừng; sử dụng các chất diệt cỏ cũng là một biện pháp làm giảm vật liệu cháy, tuy nhiên phải khuyến cáo về tính độc của chúng đối với con người, gia súc và môi trường.

***e) Biện pháp quy vùng sản xuất nương rẫy để phòng cháy lan vào rừng***

- Chỉ được quy vùng sản xuất nương rẫy ở những nơi đất trống; nghiêm cấm quy vùng sản xuất nương rẫy vào rừng tự nhiên và rừng trồng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ rất xung yếu và xung yếu;

- Diện tích quy vùng nương rẫy phải có ranh giới cụ thể và được cắm mốc ngoài thực địa; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ nhân dân sử dụng nương rẫy ổn định lâu dài, tránh mở rộng thêm diện tích và không làm thay đổi quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt;

- Trong những vùng được phép làm nương rẫy, sau khi phát thực bì và phơi khô, phải vun thành những băng rộng 2 - 3 m, cách nhau 5 - 6 m, băng sát bìa rừng phải xa rừng từ 6 - 8 m; đốt lúc gió nhẹ vào buổi chiều tối hoặc sáng sớm; đốt lần lượt từng băng, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi hoặc đốt ngược chiều gió;

- Khi đốt, cứ 10 - 15 m có một người canh gác trên băng, tuyệt đối không để lửa cháy lan vào rừng; đốt xong, phải kiểm tra toàn bộ nương cho tới khi lửa tắt hẳn mới ra về;

- Kết hợp chặt chẽ giữa quy vùng sản xuất nương rẫy với giao đất lâm nghiệp, định canh định cư, phát triển kinh tế trang trại, vườn rừng và bảo vệ rừng-PCCCR theo đúng pháp luật.

***g) Hệ thống chòi canh phát hiện cháy rừng***

- Hệ thống chòi canh lửa có tác dụng phát hiện được sớm các điểm cháy rừng để kịp thời xử lý, dập tắt đám cháy giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất; đồng thời, còn là phương tiện để quản lý, ngăn chặn và giám sát mọi người vào rừng trong mùa cao điểm của cháy rừng;

- Chòi canh được làm bằng nguyên liệu bền chắc, tốt nhất là bằng kim loại; phải có hệ thống chống sét để bảo vệ chòi canh và các thiết bị có dùng

điện; chòi canh phải đặt gần nơi thường phát sinh cháy rừng và có tầm nhìn xa nhất;

- Để đạt hiệu quả cao trong việc quan sát, nên bố trí chòi chính, cao 30 - 40 m và các chòi phụ, cao hơn tán rừng 1 - 2 m theo lưới tam giác đều; tại giao điểm ba đường trung trực thì đặt chòi chính, chòi phụ đặt ở các đỉnh tam giác; thông thường, khi có hai hoặc ba chòi canh cùng quan sát thì người gác rừng sẽ phát hiện một cách nhanh chóng và chính xác tọa độ đám cháy;

- Chòi chính và chòi phụ phải có thang lên xuống, chống sét, mái che mưa nắng, bốn cửa sổ để quan sát theo các hướng; ở dưới chân chòi chính, cần làm một gian nhà, trong đó có bàn làm việc, chỗ nghỉ ngơi cho nhóm canh trực,... cần dọn sạch cây cối và bụi rậm xung quanh chân chòi để đề phòng lửa rừng cháy lan;

- Trên mỗi chòi canh, cần trang bị la bàn, ống nhòm, bản đồ khu vực và một số tín hiệu, như: cờ màu, keng báo hiệu,...;

- Vào thời kỳ cao điểm của mùa cháy rừng, chòi canh phải có người làm việc liên tục 24/24 giờ trong ngày (ba ca trực).

### **III. CHỮA CHÁY RỪNG**

#### **1. Phương châm chữa cháy rừng**

Trong công tác Phòng cháy, chữa cháy rừng phải luôn quán triệt phương châm “phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để, hiệu quả và an toàn” với nguyên tắc “bốn tại chỗ” đó là:

- Chỉ huy tại chỗ;
- Lực lượng tại chỗ;
- Phương tiện tại chỗ;
- Hậu cần tại chỗ.

#### **a) Chỉ huy tại chỗ**

- Chỉ huy chữa cháy rừng là quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp với quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh, hướng lực lượng chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức để đạt được hiệu quả chữa cháy, sớm dập tắt hoàn toàn đám cháy, đồng thời đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện chữa cháy;

- Người chỉ huy có quyền ra mệnh lệnh điều động các lực lượng và phương tiện tham gia chữa cháy rừng và chịu trách nhiệm về mệnh lệnh chỉ huy của mình. Khi được điều động (Nhân lực và phương tiện do mình quản lý) để phục vụ chữa cháy rừng, tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân phải tuyệt đối chấp hành.

#### **b) Về lực lượng và phương tiện tại chỗ**

Lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng là hai yếu tố không thể tách rời nhau. Có thể được chia ra thành:

- Lực lượng thủ công gồm: Con người (Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Ban lâm nghiệp xã, hợp đồng PCCCR trong mùa hanh khô, lực lượng bảo vệ rừng của các chủ rừng, tổ đội quản chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác) cùng với dụng cụ thủ công như dao rựa, cành lá hoặc bàn đập, cuốc xẻng, rìu, câu liềm, thùng tưới nước,... thường áp dụng cho

chữa cháy mặt đất, cháy ngầm với cường độ thấp, trung bình hoặc cao khi diện tích đám cháy nhỏ.

- Lực lượng cơ giới gồm: Con người cùng với các thiết bị cơ giới xe cứu hỏa, xe chữa cháy rừng, máy (bơm) phun nước, máy thổi gió, cưa xăng, máy ủi, máy cày, ...

- Lực lượng hỗn hợp là kết hợp cả 2 nhóm lực lượng trên:

Lực lượng cơ giới hoặc hỗn hợp (cơ giới kết hợp với thủ công) được áp dụng cho chữa cháy mặt đất mạnh và cháy tán (với các cường độ thấp, trung bình hoặc cao).

Bên cạnh dụng cụ, thiết bị chữa cháy rừng, không thể thiếu phương tiện thông tin liên lạc chỉ huy tại hiện trường.

### **c) Về hậu cần**

Để đảm bảo công việc chữa cháy rừng được diễn ra liên tục và hiệu quả thì công tác hậu cần cũng được chú trọng và cũng phải thực hiện tốt phương châm “hậu cần tại chỗ” cụ thể là: Phải chuẩn bị sẵn một số dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động cần thiết (áo quần, giày, mũ, bình nước cá nhân,...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động thêm tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống (5-6 lít/người/ngày) và thực phẩm (dự trữ ít nhất 2-3 ngày) cho lực lượng chữa cháy, cần có đèn pin để phòng trường hợp phải chữa cháy rừng cả ban đêm và thuốc men như thuốc bỏng, bông băng cấp cứu, hồi sức,...

## **2. Kỹ thuật chữa cháy rừng**

Phương pháp chữa cháy rừng được chia thành 2 loại:

- Chữa cháy trực tiếp: Là sử dụng tất cả các phương tiện thủ công và cơ giới tác động trực tiếp vào đám cháy để dập lửa. Thường áp dụng chữa cháy trực tiếp đối với đám cháy có cường độ thấp, dễ tiếp cận;

- Chữa cháy gián tiếp: Là dùng lực lượng và phương tiện để giới hạn đám cháy bằng băng trắng (Lợi dụng địa hình tự nhiên hoặc ủi, chặt dọn cây rừng) để không chế đám cháy hoặc kết hợp băng không chế cháy này với việc dùng lửa “đốt chặn” để khi đám cháy chính gặp đám cháy của đốt chặn thì dừng lại (vì không còn vật liệu cháy nữa). Phương pháp chữa cháy gián tiếp được áp dụng khi đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan tràn nhanh, diện tích đám cháy > 1ha, diện tích rừng còn lại (cần bảo vệ) rất lớn. Ngoài ra sau khi làm băng trắng hoặc băng không chế lửa, có thể chuyển từ chữa cháy gián tiếp sang chữa cháy trực tiếp;

- Để quyết định áp dụng chữa cháy trực tiếp hay gián tiếp, người chỉ huy phải nhanh chóng đánh giá đám cháy gồm các chi tiết:

- + Xác định lưỡi lửa (đầu đám cháy);
- + Ước lượng tốc độ lan tràn của đám cháy;
- + Loại vật liệu cháy sẽ tiếp tục;
- + Các nguy hiểm đặc biệt có thể xảy ra như cháy lan vào các công trình quan trọng, dễ gây cháy nổ khác, cháy nhảy cóc do các đóm lửa phát tán nhờ gió;
- + Các điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến đám cháy như địa hình, nhiệt độ

không khí, tốc độ gió, thời gian trong ngày,...

- + Xác định số người cần cho chữa cháy;
- + Nguồn nước có thể phục vụ chữa cháy;
- + Các đường băng ngăn cháy tự nhiên có thể lợi dụng được.

### **2.1. Kỹ thuật chữa cháy trực tiếp**

Đối với những đám cháy nhỏ, cường độ cháy thấp, thời tiết thuận lợi và có đủ lực lượng, phương tiện thì ta tấn công ngay vào lưỡi lửa (dập lửa từ phía trước).

### **2.2. Kỹ thuật chữa cháy gián tiếp**

Đối với những đám cháy lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh, cường độ cháy trung bình trở lên, phải áp dụng kỹ thuật chữa cháy gián tiếp như sau:

#### **a) Làm băng không chế lửa**

Băng không chế lửa được làm ở phía trước đám cháy và có xu hướng cong về hai phía của ngọn lửa. Bề rộng của băng từ 15-20m (ít nhất là 1,5 lần chiều cao của ngọn lửa). Tuy nhiên đối với đám cháy lớn, khi có gió to hoặc địa hình dốc thì bề rộng của băng có thể tăng lên 20-30m.

Khi làm băng không chế lửa cần lưu ý:

- Công sức và thời gian không nhiều, nên phải chọn tuyến cẩn thận;
- Chọn cách dễ nhất để thi công qua nơi có nhiều vật liệu cháy;
- Lợi dụng tối đa địa hình tự nhiên (sông suối, đường đông) hoặc các đường giao thông sẵn có;
- Băng càng thẳng càng tốt (ngắn nhất và dễ giám sát);
- Không nên bẻ tuyến đột ngột (vị trí bẻ tuyến phải ở nơi an toàn và có các vật cản là địa hình tự nhiên như nêu trên và mở rộng nơi bẻ tuyến do chúng là nơi lửa dễ cháy vượt qua);
- Tránh băng qua nơi có vật liệu cháy nguy hiểm, nơi có nhiều đá, nơi dốc;
- Đề phòng cháy tán xảy ra ở nơi đang làm đường băng ở dưới;
- Ở nơi trống cỏ hoặc các vật liệu cháy, có thể dùng cào cuốc để làm băng không chế lửa theo phương pháp “bước lên” dàn đội hình dọc theo tuyến dự định làm băng, mỗi người cách nhau 3m.

#### **b) Biện pháp đốt chặn**

Đốt chặn là biện pháp dựa vào địa hình tự nhiên, đường giao thông hoặc băng không chế lửa (băng tựa) để đốt trước một diện tích đủ lớn ở phía trước hướng phát triển của đám cháy chính.

Một số kỹ thuật đốt chặn gồm: Đốt theo dải, đốt theo dải và đám, đốt theo nhiều dải - các dải này có thể được phân cách bằng các băng không chế lửa, đốt theo hình “V” hay răng lược và đốt theo các điểm mỏ neo.

#### **c) Đào rãnh ngăn cháy ngầm**

Có thể ngăn chặn đám cháy mặt đất phát triển thành cháy ngầm bằng cách đào rãnh ngăn cách lớp than bùn sát tầng đất mặt. Rãnh đào sâu hơn lớp than bùn từ 20-50cm, rộng từ 6-10m.

### **3. Chỉ huy chữa cháy rừng**

a) Khi xảy ra cháy, người có chức vụ cao nhất của đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy.

b) Trường hợp tại nơi xảy ra cháy rừng, lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến kịp thì người chỉ huy chữa cháy được quy định như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch UBND cấp xã trở lên có mặt tại đám cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy.

- Khi cháy rừng nếu chủ rừng là cơ quan, tổ chức thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy, trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản tại nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chỉ huy chữa cháy; nếu chủ rừng là hộ gia đình hoặc cá nhân thì trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản hoặc người được ủy quyền tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy.

- Người đứng đầu đơn vị kiểm lâm hoặc người được ủy quyền tại nơi xảy ra cháy có trách nhiệm là đầu mối nắm bắt, tổng hợp tình hình, mức độ cháy để tham mưu cho người chỉ huy cao nhất quyết định phương án, phương pháp chữa cháy rừng hiệu quả nhất.

### **4. Xử lý sau cháy rừng**

#### **a) Điều tra vụ cháy rừng**

Xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng có ý nghĩa quan trọng trong việc lập hồ sơ ban đầu của vụ cháy rừng, làm cơ sở cho công tác điều tra, xử lý pháp luật sau này.

Công tác điều tra vụ cháy rừng phải được tiến hành ngay từ khi phát hiện, triển khai lực lượng chữa cháy tại hiện trường chữa cháy. Khi đến hiện trường, cần chú ý quan sát các hoạt động của con người xung quanh khu vực xảy ra cháy rừng. Quan trọng nhất là xác định và bảo vệ vùng có điểm phát lửa. Phát hiện điểm phát lửa có thể căn cứ vào các nguyên tắc sau:

- Điểm phát lửa thường có mức độ thiệt hại ít do đám cháy mới phát sinh, cường độ cháy thấp;

- Điểm phát lửa thường gần nơi có các hoạt động của con người như: làm nương rẫy, khai thác rừng, cắm trại, dọn cỏ ven đường,...

- Đám cháy ở nơi có vật liệu cháy tương đối đồng nhất, ít gió sẽ có dạng tròn, điểm phát lửa sẽ ở vùng trung tâm;

- Đám cháy ngược dốc hoặc nơi có gió sẽ có dạng chữ V, điểm phát lửa sẽ ở trong và gần vùng đáy của chữ V;

- Nhiều vết tích do đám cháy để lại trên thân cây, cành nhánh và lá cây, ngọn cỏ chưa cháy hết, đá cục, các vật dụng khác, ... tại hiện trường cũng rất có ích cho việc xác định điểm phát lửa.

Ngoài việc quan sát hiện trường, cần phải tiến hành phỏng vấn ngay những người có mặt tại hiện trường, những người dân xung quanh khu vực rừng bị cháy để thu thập thông tin là việc làm hết sức cần thiết và phải đặc biệt chú ý (xác định tên, tuổi, địa chỉ và ghi chép lại những gì họ kể, nghe hoặc thấy).

**b) Báo cáo sau cháy rừng**

Sau khi đám cháy kết thúc, lãnh đạo các địa phương chỉ đạo các ban, ngành, đơn vị chức năng có liên quan tiến hành điều tra vụ cháy và báo cáo kịp thời vụ việc cháy rừng cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

**Phần II****CÁC CHÍNH SÁCH VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG****I. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021-2025****1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng**

a) Đối tượng rừng: Diện tích rừng được Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế quản lý; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

b) Đối tượng được hỗ trợ:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (sau đây gọi tắt là hộ gia đình) được nhận khoán bảo vệ rừng;

- Cộng đồng dân cư thôn tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (sau đây gọi tắt là cộng đồng dân cư) được nhận khoán bảo vệ rừng.

c) Bên khoán và bên nhận khoán:

- Bên giao khoán bao gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bên nhận khoán bao gồm: Hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

d) Mức hỗ trợ và hạn mức khoán bảo vệ rừng:

- Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: Được hỗ trợ tiền khoán bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm;

- Hạn mức diện tích rừng nhận khoán được hỗ trợ:

+ Hạn mức khoán cho hộ gia đình theo thỏa thuận, nhưng không quá 30 héc ta.

+ Hạn mức khoán cho cộng đồng dân cư thôn theo thỏa thuận, nhưng tổng diện tích khoán không vượt quá tổng diện tích bình quân mỗi hộ gia đình trong cộng đồng không quá 30 héc ta tại thời điểm hợp đồng khoán.

e) Phương thức khoán bảo vệ rừng:

- Thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm;

- Hằng năm, bên giao khoán có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với bên nhận khoán theo quy định;

- Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để bên giao khoán thanh toán, quyết toán kinh phí.

## **2. Hỗ trợ bảo vệ rừng**

a) Đối tượng rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

b) Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại các xã khu vực II, khu vực III thực hiện bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

- Tiêu chí được hỗ trợ:

+ Thuộc đối tượng quy định tại điểm b, mục 2 nêu trên;

+ Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng của cấp có thẩm quyền hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp;

+ Được Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng.

c) Mức hỗ trợ: 400.000 đồng/ha/năm.

d) Phương thức hỗ trợ: Thực hiện dựa trên kết quả bảo vệ rừng, cụ thể:

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm lâm sở tại nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện bảo vệ rừng đối với từng đối tượng nhận hỗ trợ theo hợp đồng đã ký;

- Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để thanh toán, quyết toán kinh phí.

## **3. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung**

a) Đối tượng khoanh nuôi: Diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc đối tượng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung đáp ứng các tiêu chí sau:

- Nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m từ 300 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất hoặc từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân bố không đều, có các khoảng trống từ 1000 m<sup>2</sup> đến dưới 3000 m<sup>2</sup>;

- Nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m trên 500 cây/ha, phân bố không đều, có các khoảng trống lớn hơn 1.000 m<sup>2</sup>;

- Diện tích tre nứa sau khai thác có tỷ lệ che phủ dưới 20%, có khả năng tự tái sinh phục hồi thành rừng đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt).

b) Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung trên diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

c) Tiêu chí được hỗ trợ:

- Thuộc đối tượng quy định tại điểm b nêu trên;

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung theo đúng thiết kế, dự toán được phê duyệt. Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

d) Mức hỗ trợ: tối đa không quá 1.600.000 đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm cho 03 năm tiếp theo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

e) Phương thức hỗ trợ: Thực hiện dựa trên kết quả khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, cụ thể:

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm lâm sở tại nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện bảo vệ rừng đối với từng đối tượng nhận hỗ trợ theo hợp đồng đã ký;

- Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để thanh toán, quyết toán kinh phí.

## **II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng**

a) Đối tượng rừng: Diện tích rừng được Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho Tổ chức kinh tế, các đơn vị vũ trang quản lý; diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý.

b) Bên khoán bảo vệ rừng:

- Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; Công ty nông, lâm nghiệp;
- Tổ chức, đơn vị được giao rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp;
- Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Bên nhận khoán bảo vệ rừng:

- Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp tại địa phương (xã, phường, thị trấn) theo quy định của Luật cư trú năm 2020; cộng đồng dân cư theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 nơi có đối tượng khoán;

- Các đơn vị vũ trang đóng quân trên địa bàn, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

d) Tiêu chí xác định bên khoán và bên nhận khoán:

- Bên khoán phải đảm bảo đủ các tiêu chí sau:

+ Được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nông nghiệp và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp Luật về đất đai và pháp Luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Có kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với quy hoạch và dự án về bảo vệ và phát triển rừng hoặc đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, diện tích rừng giao cho tổ chức, đơn vị quản lý, bên giao khoán là Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, đơn vị quản lý.

- Bên nhận khoán phải đảm bảo đủ các tiêu chí sau:

+ Cá nhân nhận khoán có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và trong độ tuổi lao động, đảm bảo thực hiện được hợp đồng khoán và không là thành viên trong hộ gia đình hoặc cộng đồng dân cư thôn đã nhận khoán bảo vệ rừng;

+ Hộ gia đình nhận khoán có thành viên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và trong độ tuổi lao động, đảm bảo thực hiện hợp đồng khoán và không là thành viên của cộng đồng dân cư thôn đã nhận khoán bảo vệ rừng;

+ Cộng đồng dân cư thôn nhận khoán đảm bảo đủ Điều kiện về tổ chức, nhân lực, vật lực để thực hiện hợp đồng khoán;

Trường hợp số cá nhân, hộ gia đình đề nghị nhận khoán lớn hơn nhu cầu khoán, thì bên khoán ưu tiên khoán cho cá nhân, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số; cá nhân, hộ gia đình người Kinh nghèo.

d) Mức hỗ trợ và hạn mức khoán bảo vệ rừng:

- Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/ha/năm;

- Hạn mức diện tích rừng nhận khoán:

+ Hạn mức khoán cho cá nhân theo thỏa thuận, nhưng không quá 15 héc ta;

+ Hạn mức khoán cho hộ gia đình theo thỏa thuận, nhưng không quá 30 héc ta.

+ Hạn mức khoán cho cộng đồng dân cư thôn theo thỏa thuận, nhưng tổng diện tích khoán không vượt quá tổng diện tích bình quân mỗi hộ gia đình trong cộng đồng không quá 30 héc ta tại thời điểm hợp đồng khoán.

e) Phương thức khoán bảo vệ rừng:

- Thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm;

- Hằng năm, bên giao khoán có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với bên nhận khoán theo quy định.

- Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để bên giao khoán thanh toán, quyết toán kinh phí.

## **2. Hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng**

a) Đối tượng hỗ trợ: Cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư vùng đệm, gồm: Nâng cao năng lực phát triển sản xuất (khuyến nông, khuyến lâm, giống cây, giống con, thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ); hỗ trợ vật liệu xây dựng cho thôn bản (đối với các công trình công cộng của cộng đồng như nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hoá...).

c) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư thôn bản vùng đệm để đồng quản lý rừng đặc dụng; mức hỗ trợ mỗi thôn bản là 40 triệu đồng/thôn, bản/năm.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ hằng năm theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

## **Phần III**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP VÀ KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG**

#### **I. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện**

- Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;

- Sản xuất giống của loài cây trồng lâm nghiệp chính phải sử dụng vật liệu nhân giống từ giống, nguồn giống được công nhận.

**2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện**

- Có địa điểm giao dịch hợp pháp;

- Có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống, gồm: Thông tin về hợp đồng, hóa đơn mua bán lô giống; hồ sơ, nhãn phù hợp quy định.

**3. Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

- Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ (01 bộ gốc và 01 bộ bản sao) tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

+ Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường và lập báo cáo thẩm định và quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

- Tổ chức hoặc cá nhân nhận Quyết định công nhận nguồn giống tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc tại nhà theo kết quả đăng ký lúc nộp hồ sơ ban đầu.

- Thời gian công nhận nguồn giống là 36 tháng kể từ khi trồng.

#### **II. KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT BẰNG CÂY KEO LAI**

##### **1. Xử lý thực bì**

a) Thời gian thực hiện: Tháng 7 - 8 hằng năm (hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 8).

b) Kỹ thuật xử lý thực bì: Xử lý thực bì thường được thực hiện theo 02 phương thức chủ yếu: Xử lý thực bì toàn diện và xử lý thực bì theo băng.

- Xử lý thực bì toàn diện: Phát, đốt sạch thực bì, những thân cây bụi hoặc cây gỗ, dây leo chưa cháy hết nếu còn dài trên 01 m thì phải chặt ngắn dưới 01 m và rải trên đất, không được xếp đống. Trước khi đốt thực bì phải làm đường

ranh trắng bao quanh khu vực đốt, chiều rộng đường ranh tối thiểu 15m. Chọn những ngày ít gió để đốt. Bố trí đủ số người trông coi, kịp thời dập tắt lửa trong trường hợp cháy lan ra ngoài khu vực đốt, khi lửa tắt hẳn mới được về. Diện tích đốt tập trung không quá 10 ha cho mỗi lần đốt.

- Xử lý thực bì theo băng: Các băng song song với đường đồng mức, chiều rộng băng chặt và băng chừa theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Trên băng chặt, gốc phát cao không quá 15cm, thực bì được phát sạch, băm thành từng đoạn ngắn dưới 1m, xếp vào vị trí tiếp giáp băng chừa và không được đốt, những cây tái sinh mục đích phải được giữ lại.

## **2. Cuộc hồ**

a) Thời gian thực hiện: Tháng 9 - 10 hằng năm, khi thời tiết có mưa, đất đủ ẩm (hoàn thành chậm nhất là ngày 15 tháng 10).

b) Kỹ thuật cuộc hồ: Cuộc hồ đúng kích thước (dài, rộng, sâu), đúng cự ly (khoảng cách giữa các hàng và giữa các hố trong hàng) theo thiết kế được phê duyệt. Khi cuộc hồ, lớp đất mặt để sang một bên, lớp đất dưới để riêng một bên. Tùy theo phương thức xử lý thực bì mà bố trí hố đào như sau:

- Đối với xử lý thực bì toàn diện: Bố trí hàng song song theo đường đồng mức, hố bố trí so le hình nanh sấu.

- Đối với xử lý thực bì theo băng: Bố trí hàng theo băng trồng, hố bố trí so le hình nanh sấu.

## **3. Lấp hố và bón lót**

a) Thời gian thực hiện: Trước khi trồng từ 7 - 15 ngày.

b) Kỹ thuật lấp hố và bón lót: Dùng cuộc vạc lớp đất mặt lấp đầy 2/3 hố, cho phân bón lót xuống trộn đều, sau đó lấp đất đầy miệng hố. Lấp hố hình mâm xôi, cao hơn mặt đất tự nhiên từ 2 - 3 cm. Loại phân bón lót là phân vi sinh, liều lượng 0,01 kg/hố.

## **4. Trồng cây**

a) Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Kỹ thuật trồng cây:

- Trồng bằng cây con có túi bầu;

- Mọi một lỗ rộng và sâu hơn túi bầu từ 2 - 3 cm ở giữa hố đã lấp. Dùng dao sắc hoặc lưỡi lam rạch túi bầu, gỡ nhẹ túi bầu ra khỏi bầu. Đặt bầu ngay ngắn xuống lỗ, lấp đất ngập 1/3 chiều cao bầu, ấn chặt giữ bầu cố định sau đó vun đất đầy cao hơn mặt bầu 3 - 4 cm và ấn chặt đất xung quanh bầu cây, tuyệt đối tránh làm vỡ bầu.

## **5. Chăm sóc rừng sau khi trồng**

a) Thời gian chăm sóc: 6 lần trong 4 năm đầu, trong đó năm thứ nhất: 01 lần; năm thứ hai: 02 lần; năm thứ ba: 02 lần; năm thứ tư: 01 lần.

b) Kỹ thuật chăm sóc:

- Năm thứ nhất:

+ Sau khi trồng, từ 8 - 10 ngày, tiến hành kiểm tra, trồng dặm những cây bị chết, hố trồng bị bỏ sót. Cây trồng dặm phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật như cây trồng chính. Kỹ thuật trồng như cây trồng chính.

+ Tiến hành: Làm cỏ, xới đất sâu 7 - 10 cm và vun đất xung quanh gốc cây trong phạm vi đường kính 0,7 - 0,8 m, tránh làm tổn hại đến rễ cây - thực hiện 01 lần, sau khi trồng rừng từ 1 - 2 tháng.

- Năm thứ hai: Thực hiện 02 lần:

+ Lần 1: Thời vụ vào tháng 2 - 3 năm kế hoạch. Cắt và gỡ dây leo quấn cây trồng; phát chồi thực bì, cỏ dại trên diện tích trồng.

+ Lần 2: Thời vụ vào tháng 9 - 12 năm kế hoạch. Phát chồi thực bì, cỏ dại trên diện tích trồng và tiến hành phát mở rộng băng trồng đối với phát thực bì theo băng. Cắt và gỡ dây leo quấn cây trồng; đẩy cỏ, xới đất sâu 7 - 10 cm cách gốc 20 cm trong phạm vi đường kính 0,8 - 1 m và vun gốc trong phạm vi này, tránh làm tổn hại đến rễ cây. Bón thúc cho cây: Đào rãnh phía trên dốc hình vòng cung rộng 10 cm, sâu 10 - 15 cm, dài 30 cm, cách gốc 20 - 25 cm, rắc phân vào, sau đó lấp kín đất; loại phân bón NPK, liều lượng 50 gam/cây. Trồng dặm những cây bị chết.

- Năm thứ ba: Thực hiện 02 lần:

+ Lần 1: Thời vụ vào tháng 2 - 3 năm kế hoạch. Cắt và gỡ dây leo quấn cây trồng; phát chồi thực bì, cỏ dại theo diện tích phát chăm sóc lần 2 năm thứ 2.

+ Lần 2: Thời vụ vào tháng 9 - 12 năm kế hoạch. Phát chồi thực bì, cỏ dại trên toàn bộ diện tích. Cắt và gỡ dây leo quấn cây trồng. Tỉa cành, làm cỏ, xới đất sâu 7 - 10 cm cách gốc 20 cm trong phạm vi đường kính 0,8 - 1 m và vun gốc trong phạm vi này, tránh làm tổn hại đến rễ cây.

- Năm thứ tư: Thực hiện 01 lần, vào tháng 9 - 12 năm kế hoạch. Phát thực bì toàn diện, cắt và gỡ dây leo quấn cây trồng.

c) Bảo vệ cây trồng:

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong chu kỳ trồng rừng.

- Biện pháp kỹ thuật, bao gồm: Phòng, trừ sâu bệnh hại; Phòng cháy, chữa cháy rừng; Phòng, chống các tác nhân gây hại khác, cụ thể như sau:

+ Phòng, trừ sâu bệnh hại: Sau khi trồng xong phải thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh hại cây trồng. Khi phát hiện có sâu bệnh hại phải xử lý kịp thời. Tùy theo mức độ nhiễm sâu bệnh mà có biện pháp phòng, trừ thích hợp.

+ Phòng cháy, chữa cháy rừng: Tổ chức trực cháy, thường xuyên tuần tra phát hiện sớm điểm cháy rừng và kịp thời dập tắt đám cháy, tránh để cháy lan. Tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, ...

+ Phòng, chống các tác động gây hại khác, như: Tổ chức lực lượng quản lý, bảo vệ rừng. Thực hiện các biện pháp phòng chống trâu, bò, ... vào đầm, đập, ... cây trồng, con người chặt phá, ...

## Phần IV

### XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

#### I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

##### 1. Giải thích từ ngữ (Điều 1, Luật Xử lý vi phạm hành chính)

- *Vi phạm hành chính* là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

- *Xử phạt vi phạm hành chính* là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

- *Biện pháp xử lý hành chính* là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- *Biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính* là biện pháp mang tính giáo dục được áp dụng để thay thế cho hình thức xử phạt vi phạm hành chính hoặc biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính, bao gồm biện pháp nhắc nhở và biện pháp quản lý tại gia đình.

- *Tái phạm* là việc cá nhân, tổ chức đã bị ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử phạt; cá nhân đã bị ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà lại thực hiện hành vi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đó.

- *Vi phạm hành chính nhiều lần* là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính này nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý.

- *Vi phạm hành chính có tổ chức* là trường hợp cá nhân, tổ chức câu kết với cá nhân, tổ chức khác để cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

- *Giấy phép, chứng chỉ hành nghề* là giấy tờ do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp cho cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật để cá nhân, tổ chức đó kinh doanh, hoạt động, hành nghề hoặc sử dụng công cụ, phương tiện. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề không bao gồm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ gắn với nhân thân người được cấp không có mục đích cho phép hành nghề.

- *Chỗ ở* là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

- *Tổ chức* là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề

nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

- *Tình thế cấp thiết* là tình thế của cá nhân, tổ chức vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

- *Phòng vệ chính đáng* là hành vi của cá nhân vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích nói trên.

- *Sự kiện bất ngờ* là sự kiện mà cá nhân, tổ chức không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi nguy hại cho xã hội do mình gây ra.

- *Sự kiện bất khả kháng* là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

- *Người không có năng lực trách nhiệm hành chính* là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

- *Người nghiện ma túy* là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

- *Người đại diện hợp pháp* bao gồm cha mẹ hoặc người giám hộ, luật sư, trợ giúp viên pháp lý.

## **2. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính (Điều 3, Luật Xử lý vi phạm hành chính)**

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

a) Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

b) Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật;

c) Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

d) Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm;

đ) Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính;

e) Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bao gồm:

a) Cá nhân chỉ bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu thuộc một trong các đối tượng quy định tại các điều 90, 92, 94 và 96 của Luật này;

b) Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải được tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Việc quyết định thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

d) Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.

### **3. Những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 12, Luật Xử lý vi phạm hành chính)**

1. Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.

4. Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật này.

6. Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.

7. Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.

8. Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

9. Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

10. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

11. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xử phạt vi phạm hành chính, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

12. Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

**4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Điều 38, Luật Xử lý vi phạm hành chính)**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

**5. Lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 58, Luật Xử lý vi phạm hành chính)**

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

3. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm lập biên bản;
- b) Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- c) Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm;
- d) Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại;
- đ) Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;
- e) Quyền và thời hạn giải trình.

4. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

5. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.

6. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt.

7. Biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

8. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật này và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 63 của Luật này và trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (XPVPHC) TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

Trong quá trình thực thi Luật Lâm nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước, các cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam đều phải bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 05/6/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.

**Một số nội dung cơ bản về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:**

### **1. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 4)**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- b) Đình chỉ hoạt động khai thác rừng có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng;
- c) Đình chỉ hoạt động của cơ sở chế biến lâm sản có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng.

3. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;"
- c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;
- đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;
- e) Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng đến khi thành rừng theo suất đầu tư được áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính;
- g) Buộc thu hồi chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã cấp;

h) Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ môi trường rừng và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả;

i) Buộc chi trả đầy đủ tiền dịch vụ môi trường rừng cho người nhận khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký kết;

k) Buộc tiêu hủy lô giống cây trồng lâm nghiệp;

l) Buộc đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy ra khỏi rừng;

m) Buộc lập dự án kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật hoặc buộc lập dự án kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

n) Buộc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

o) Buộc trồng lại rừng ngay trong vụ trồng rừng kế tiếp.

4. Hành vi vi phạm quy định tại Điều 17 và Điều 20 của Nghị định này nhưng không xác định được đối tượng vi phạm hành chính thì thực hiện khắc phục hậu quả bằng biện pháp lâm sinh tại điểm a hoặc điểm d khoản 1 Điều 45 Luật Lâm nghiệp để khôi phục rừng.

## **2. Áp dụng xử phạt vi phạm hành chính (Điều 6)**

1. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với cá nhân, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực Lâm nghiệp đối với cá nhân là **500.000.000 đồng**; tổ chức vi phạm áp dụng phạt tiền bằng 2 lần mức phạt tiền với cá nhân có cùng hành vi và mức độ vi phạm, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực Lâm nghiệp đối với tổ chức là **1.000.000.000 đồng**.

6. Trường hợp một hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại nhiều loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc tang vật vi phạm gồm nhiều loại lâm sản khác nhau nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thì xác định tiền phạt của hành vi vi phạm theo từng loại rừng hoặc từng loại lâm sản.

7. Hành vi vi phạm đối với rừng đã quy hoạch cho mục đích khác, nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, thì áp dụng xử phạt theo quy định đối với loại rừng tương ứng trước khi quy hoạch cho mục đích khác.

8. Hành vi vi phạm gây thiệt hại đối với lâm sản của chủ rừng do chủ rừng phát hiện thì chủ rừng tiến hành lập biên bản kiểm tra, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật và báo cáo, bàn giao trong thời hạn **03 ngày** kể từ ngày phát hiện vi phạm cho cơ quan, người có thẩm quyền, đồng thời phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này. Đối với lâm sản tịch thu là lâm sản do chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư để trồng thì trả lại cho chủ rừng.

**Các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp sẽ bị xử lý vi phạm hành chính từ Điều 7 đến Điều 24 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:**

**Điều 7.** Lấn, chiếm rừng; **Điều 8.** Khai thác trái phép môi trường rừng và thực hiện các dịch vụ, kinh doanh trái phép trong rừng; **Điều 9.** Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng; **Điều 10.** Vi phạm quy định về quản lý rừng bền vững; **Điều 11.** Vi phạm quy định về hồ sơ, thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp; **Điều 12.** Vi phạm quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng; **Điều 13.** Khai thác rừng trái pháp luật; **Điều 14.** Vi phạm quy định về kinh doanh giống cây lâm nghiệp chính; **Điều 15.** Vi phạm quy định về trồng rừng thay thế; **Điều 16.** Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng; **Điều 17.** Vi phạm các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng gây cháy rừng; **Điều 18.** Vi phạm quy định về phòng trừ sinh vật hại rừng; **Điều 19.** Phá hủy các công trình bảo vệ và phát triển rừng; **Điều 20.** Phá rừng trái pháp luật; **Điều 21.** Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng; **Điều 22.** Vận chuyển lâm sản trái pháp luật; **Điều 23.** Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật; **Điều 24.** Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản.

### **MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN**

1. Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017.
2. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
3. Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
4. Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.
5. Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 15/5/2021.
6. Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.
7. Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.
8. Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

9. Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

---